

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thang Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thang Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Bùi Văn Trịnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1808-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 28 tháng 02 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Hồng Quân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2758-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		882.904.610.704	710.159.472.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	292.899.716.023	570.417.309.614
1. Tiền	111		28.059.460.485	33.828.451.100
2. Các khoản tương đương tiền	112		264.840.255.538	536.588.858.514
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	514.972.412.500	87.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		514.972.412.500	87.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.468.181.672	50.201.543.348
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.109.008.851	49.203.452.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.708.722.990	654.172.404
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.508.635.225	5.388.550.225
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.858.185.394)	(5.044.631.773)
IV. Hàng tồn kho	140		416.306.909	325.557.534
1. Hàng tồn kho	141		416.306.909	325.557.534
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.147.993.600	2.215.062.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.147.993.600	2.215.062.443
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.824.271.961	80.564.321.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	7	2.262.044.250	3.239.707.840
1. Phải thu dài hạn khác	216		4.618.735.431	4.568.053.431
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.356.691.181)	(1.328.345.591)
II. Tài sản cố định	220		8.236.333.113	10.048.803.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.236.333.113	10.048.803.505
- Nguyên giá	222		77.855.462.335	74.330.912.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.619.129.222)	(64.282.109.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		703.384.881	703.384.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(703.384.881)	(703.384.881)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.684.980.000	3.684.980.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		57.325.894.598	59.275.809.808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	55.425.092.508	57.375.007.718
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	1.900.802.090	1.900.802.090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		958.728.882.665	790.723.794.092

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận

Phường Tân Thuận Đông, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		356.124.840.782	343.117.759.451
I. Nợ ngắn hạn	310		356.124.840.782	343.117.759.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	18.911.078.910	20.679.885.179
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	120.328.359.181	102.108.402.953
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	12.136.743.102	27.711.827.781
4. Phải trả người lao động	314		3.951.492.134	4.025.336.309
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	134.960.339.066	166.035.189.066
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.684.271.710	1.151.837.289
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		756.720.000	756.720.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		63.395.836.679	20.648.560.874
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		602.604.041.883	447.606.034.641
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	602.604.041.883	447.606.034.641
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.853.360.000	140.853.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.853.360.000	140.853.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.944.062.045	12.944.062.045
3. Cổ phiếu quỹ	415		(451.410.000)	(451.410.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		449.258.029.838	294.260.022.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		252.139.437.596	128.098.410.669
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		197.118.592.242	166.161.611.927
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		958.728.882.665	790.723.794.092



Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu



Lê Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận

Phường Tân Thuận Đông, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		531.270.002.774	499.473.705.731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.701.520.858	9.445.896.026
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		519.568.481.916	490.027.809.705
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		90.699.138.002	89.042.507.346
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		428.869.343.914	400.985.302.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	37.911.263.864	90.026.978.214
7. Chi phí tài chính	22		92.873.804	387.036.465
8. Chi phí bán hàng	25	20	19.963.234.853	28.291.069.633
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	132.931.493.327	177.495.100.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		313.793.005.794	284.839.073.954
11. Thu nhập khác	31		372.306.377	151.512.017
12. Chi phí khác	32		331.699.750	96.423.435
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		40.606.627	55.088.582
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		313.833.612.421	284.894.162.536
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	63.612.854.374	48.505.999.219
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	-	8.367.515.443
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		250.220.758.047	228.020.647.874

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thang Thị Bích Liên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	313.833.612.421	284.894.162.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.382.474.574	5.685.132.662
Các khoản dự phòng	03	1.841.899.211	3.007.203.604
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(102.604.834)	(552.782.293)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.911.057.961)	(89.119.869.337)
Chi phí lãi vay	06	-	2.777.778
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	283.044.323.411	203.916.624.950
Thay đổi các khoản phải thu	09	(17.530.873.945)	12.415.331.043
Thay đổi hàng tồn kho	10	(90.749.375)	48.103.061
Thay đổi các khoản phải trả	11	4.203.804.663	124.276.441.084
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.016.984.053	48.097.500
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.777.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(79.557.853.511)	(44.511.212.761)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(273.500.000)	(18.238.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	191.812.135.296	277.951.747.099
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.570.004.182)	(258.172.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	32.513.053
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(427.972.412.500)	(51.750.000.000)
4. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(45.421.132.562)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	56.710.888.198
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	32.311.057.961	23.270.675.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(399.231.358.721)	(17.415.228.553)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.200.975.000)	(112.321.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(70.200.975.000)	(112.321.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(277.620.198.425)	148.214.958.546
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	570.417.309.614	421.649.568.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	102.604.834	552.782.293
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	292.899.716.023	570.417.309.614


 Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu


 Lê Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng




 Thang Thị Bích Liên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh lần 11 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305045911 ngày 22 tháng 12 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần FPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 503 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 416 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động viễn thông có dây; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy tính; xuất bản phần mềm; giáo dục khác; lập trình máy vi tính; cổng thông tin; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; hoạt động viễn thông khác, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; đại lý ô tô và xe có động cơ khác; vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sản xuất thực phẩm; bán buôn thực phẩm; bán lẻ ô tô con; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; sản xuất mô tô, máy phát, biển thể điện; thiết bị phân phối và điều khiển điện; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đại lý môi giới, đấu giá; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; quảng cáo; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng nhà các loại.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; và các dịch vụ trực tuyến khác.

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính ở Thành phố Hồ Chí Minh và một chi nhánh ở Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 02 công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Số 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	3.000.000.000	60%	Phân phối thẻ trả trước: thẻ game, thẻ viễn thông
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT	Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.000.000.000	100%	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
		8.000.000.000		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2015 và đang làm thủ tục giải thể.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



Các khoản đầu tư vào công ty con và các đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty con và công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	1 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website, và các loại chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website và các loại chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ dự phòng lương được trích lập với tỷ lệ 17% dựa trên quỹ lương thực hiện theo quy định tại thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

500-0
NHÂN
NG TY
LÊN HỮ
DITT
NAN
HỒ C

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	51.025.066	279.870.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.008.435.419	33.548.580.561
Các khoản tương đương tiền	<u>264.840.255.538</u>	<u>536.588.858.514</u>
	<u>292.899.716.023</u>	<u>570.417.309.614</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi với thời hạn trong vòng 3 tháng bằng Đô la Mỹ với mức lãi suất 0% một năm (năm 2016: 0% một năm) và Đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 4,8% đến 5,5% một năm (năm 2016: từ 5,2% đến 5,5% một năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	512.972.412.500	512.972.412.500	85.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư FC	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
	<u>514.972.412.500</u>	<u>514.972.412.500</u>	<u>87.000.000.000</u>	<u>87.000.000.000</u>

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng bằng Đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 5,4% đến 7,3% một năm (năm 2016: từ 7% đến 7,1% một năm).

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty con	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	3.684.980.000	(3.684.980.000)	3.684.980.000	(3.684.980.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đô	3.684.980.000	(3.684.980.000)	3.684.980.000	(3.684.980.000)
	11.684.980.000	(3.684.980.000)	8.000.000.000	8.000.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2015 và đang làm thủ tục giải thể.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	53.920.055.467	46.114.881.360
Các khoản phải thu khách hàng khác	53.920.055.467	46.114.881.360
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 23)	9.188.953.384	3.088.571.132
	63.109.008.851	49.203.452.492

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Dự thu lãi tiền gửi	10.500.000.000	4.900.000.000
Tạm ứng người lao động	-	479.915.000
Ký quỹ, ký cược	6.220.000	6.220.000
Khác	2.415.225	2.415.225
	10.508.635.225	5.388.550.225
b) Dài hạn		
Phải thu tạm chí thể giới vi tính	2.356.691.181	2.656.691.181
Ký quỹ, ký cược	2.262.044.250	1.911.362.250
	4.618.735.431	4.568.053.431

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trích lập dự phòng 100% với số tiền 2.356.691.181 đồng cho khoản phải thu dài hạn Tạm chí thể giới vi tính - PC World Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.328.345.591 đồng).

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khách hàng trên Senpay	2.958.763.009	887.628.903	2.071.134.106	2.958.763.009	887.628.903	2.071.134.106
Các khách hàng khác	4.858.586.965	1.071.535.677	3.787.051.288	3.446.913.148	473.415.481	2.973.497.667
	7.817.349.974	1.959.164.580	5.858.185.394	6.405.676.157	1.361.044.384	5.044.631.773

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Cước thuê kênh	-	614.154.753
Phí bản quyền phần mềm	-	54.000.000
Chi phí trả trước khác	2.147.993.600	1.546.907.690
	2.147.993.600	2.215.062.443
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (*)	51.382.202.822	52.396.875.725
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	4.042.889.686	4.978.131.993
	55.425.092.508	57.375.007.718

(*) Chi phí thuê văn phòng dài hạn thể hiện số tiền còn lại của khoản tiền Công ty đã trả trước cho Công ty Cổ phần FPT theo hợp đồng số 02-2013/FTTG2-FO ngày 01 tháng 11 năm 2013 về việc thuê văn phòng tại Lô L 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2041.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc thiết bị</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	684.352.504	73.646.560.194	74.330.912.698
Tăng trong năm	-	3.570.004.182	3.570.004.182
Thanh lý	-	(45.454.545)	(45.454.545)
Số cuối năm	684.352.504	77.171.109.831	77.855.462.335
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	684.352.504	63.597.756.689	64.282.109.193
Khấu hao trong năm	-	5.382.474.574	5.382.474.574
Thanh lý	-	(45.454.545)	(45.454.545)
Số cuối năm	684.352.504	68.934.776.718	69.619.129.222
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số cuối năm	-	8.236.333.113	8.236.333.113
Số đầu năm	-	10.048.803.505	10.048.803.505

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 55.900.282.430 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 52.799.161.033 đồng).

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	<u>Doanh thu chưa thực hiện</u> VND
Số dư đầu năm trước	10.268.317.533
Chuyển vào lợi nhuận	(8.367.515.443)
Số dư đầu năm nay	1.900.802.090
Chuyển vào lợi nhuận	-
Số dư cuối năm nay	1.900.802.090

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.233.681.642	2.164.211.837
Các khoản phải trả người bán khác	1.233.681.642	2.164.211.837
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 23)	17.677.397.268	18.515.673.342
	18.911.078.910	20.679.885.179

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Người mua trả tiền trước ngắn hạn bao gồm các khoản người mua trả tiền trước khi Công ty cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty và khách hàng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	5.016.606.217	45.303.559.072	45.096.446.977	5.223.718.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.179.241.548	63.612.854.374	79.557.853.511	6.234.242.411
Thuế thu nhập cá nhân	491.464.007	8.758.561.261	8.716.628.932	533.396.336
Các loại thuế khác	24.516.009	669.122.763	548.252.729	145.386.043
	27.711.827.781	118.344.097.470	133.919.182.149	12.136.743.102

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trích lương	125.650.000.000	141.500.000.000
Chi phí khác	<u>9.310.339.066</u>	<u>24.535.189.066</u>
	<u>134.960.339.066</u>	<u>166.035.189.066</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các cổ đông của Công ty bao gồm:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số lượng</u> <u>cổ phiếu</u>	<u>Tỷ lệ sở</u> <u>hữu (%)</u>	<u>Giá trị</u> VND
Công ty Cổ phần FPT	2.106.666	14,96	21.066.660.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	8.327.758	59,12	83.277.580.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	1.409.086	10,00	14.090.860.000
Cổ đông phổ thông khác	<u>2.241.826</u>	<u>15,92</u>	<u>22.418.260.000</u>
	<u>14.085.336</u>	<u>100</u>	<u>140.853.360.000</u>

Vốn chủ sở hữu đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u> <u>cổ phiếu</u>	<u>VND</u>	<u>Số lượng</u> <u>cổ phiếu</u>	<u>VND</u>
Vốn chủ sở hữu được duyệt	14.085.336	140.853.360.000	14.085.336	140.853.360.000
Vốn chủ sở hữu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	<u>14.085.336</u>	<u>140.853.360.000</u>	<u>14.085.336</u>	<u>140.853.360.000</u>
	<u>14.085.336</u>	<u>140.853.360.000</u>	<u>14.085.336</u>	<u>140.853.360.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	<u>(45.141)</u>	<u>(451.410.000)</u>	<u>(45.141)</u>	<u>(451.410.000)</u>
	<u>(45.141)</u>	<u>(451.410.000)</u>	<u>(45.141)</u>	<u>(451.410.000)</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	<u>14.040.195</u>	<u>140.401.950.000</u>	<u>14.040.195</u>	<u>140.401.950.000</u>
	<u>14.040.195</u>	<u>140.401.950.000</u>	<u>14.040.195</u>	<u>140.401.950.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản thuần của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng công VND
Số dư đầu năm trước	140.853.360.000	12.944.062.045	(451.410.000)	199.987.614.987	353.333.627.032
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	228.020.647.874	228.020.647.874
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(19.738.450.947)	(19.738.450.947)
Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(112.321.560.000)	(112.321.560.000)
Giảm do quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-	-	(1.688.229.318)	(1.688.229.318)
Số dư đầu năm nay	140.853.360.000	12.944.062.045	(451.410.000)	294.260.022.596	447.606.034.641
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	250.220.758.047	250.220.758.047
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(25.021.775.805)	(25.021.775.805)
Chia cổ tức bằng tiền (***)	-	-	-	(70.200.975.000)	(70.200.975.000)
Số dư cuối năm nay	140.853.360.000	12.944.062.045	(451.410.000)	449.258.029.838	602.604.041.883

(*): Số tiền công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và tạm chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 đã được chính thức phê duyệt theo Nghị quyết số 01-2017/NQ/FO-ĐHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2017.

(**): Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo Nghị quyết số 01-2017/NQ/FO-ĐHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2017. Số tiền trích quỹ chính thức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong năm 2018.

(***): Tại ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết 01-2017/NQ/FO-ĐHĐCD với số tiền là 42.120.585.000 đồng. Tại ngày 13 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty công bố tạm chia một phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 với số tiền là 28.080.390.000 đồng. Việc tạm chia lợi nhuận của năm 2017 sẽ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt trong năm 2018.



17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)		2.446.132	2.033.580
18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ		Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công		174.389.627.996	213.281.168.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định		5.382.474.574	5.685.132.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài		52.065.739.944	61.535.524.065
Các chi phí khác		11.756.023.668	14.326.852.280
		243.593.866.182	294.828.677.500
19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi		37.911.057.961	28.170.675.487
Lãi chênh lệch tỷ giá		205.903	939.621.930
Lãi từ việc thanh lý công ty con và khoản ủy thác đầu tư		-	50.981.945.161
Lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị khác		-	9.934.735.636
		37.911.263.864	90.026.978.214
20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm			
Chi phí nhân công		101.436.573.672	148.597.397.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định		803.190.413	864.138.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài		22.095.718.567	16.775.772.920
Chi phí khác		8.596.010.675	11.257.792.318
		132.931.493.327	177.495.100.521
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm			
Chi phí nhân công		16.435.974.064	18.206.883.745
Chi phí khấu hao		6.143.628	21.502.238
Chi phí dịch vụ thuê ngoài		921.344.465	7.888.842.813
Chi phí khác		2.599.772.696	2.173.840.837
		19.963.234.853	28.291.069.633
21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế		313.833.612.421	284.894.162.536
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế			
điều chỉnh doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn của năm trước		-	(85.382.810.656)
Thu nhập không chịu thuế khác		(2.883.194.398)	(2.976.068.134)
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm trước		-	43.545.233.435
Chi phí không được khấu trừ		3.256.271.956	2.449.478.915
Thu nhập tính thuế		314.206.689.979	242.529.996.096
Thuế suất thông thường		20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		62.841.337.996	48.505.999.219
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước		771.516.378	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		63.612.854.374	48.505.999.219

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2016: 20%) trên thu nhập tính thuế.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	14.745.908.200	9.553.407.788

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	14.354.566.200	14.140.589.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.973.787.300	24.071.339.775
	25.328.353.500	38.211.929.175

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê mà Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng với thời hạn từ 3 đến 4 năm.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ của tập đoàn
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Cùng tập đoàn
Trường Đại học FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nội Dung Số FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Truyền thông FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Cùng tập đoàn
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phần Mềm FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch Vụ Tin Học FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT AdTrue	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT	Cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty TNHH Thương mại FPT	703.874.284	203.845.959
Công ty Cổ phần FPT	252.000.000	217.324.282
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	843.203.474	1.048.903.897
Trường Đại học FPT	28.000.000	705.818.183
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.787.116.407	3.117.753.000
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	1.097.566.685	118.374.172
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ	5.939.707.852	4.343.188.423
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT AdTrue	27.666.199.481	8.090.620.304
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	14.473.706.355	14.677.305.300
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	5.359.602.269	3.452.607.157
Công ty Cổ phần FPT	8.712.990.927	8.798.414.676
Công ty TNHH Thương mại FPT	722.313.184	340.787.039
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	-	35.914.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.002.851.890	679.768.635
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ	113.200.287	58.269.611
Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Tân Thuận	451.229.703	3.771.022.988
Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT	24.000.000	24.000.000
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	7.045.430.000	11.272.688.000
Công ty Cổ phần FPT	10.533.330.000	16.853.328.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	41.638.790.000	66.622.064.000
Chuyển nhượng cổ phần		
Công ty TNHH Đầu tư FPT	-	45.421.132.562

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương và thưởng	5.099.072.000	3.665.538.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đỏ	1.333.647.796	1.505.933.180
Công ty TNHH Truyền thông FPT	548.850.106	548.850.106
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	117.379.000	400.924.286
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	1.356.556.961	321.943.600
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT	-	110.000.000
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	174.246.280	78.018.263
Công ty Cổ phần FPT	-	26.400.000
Công ty TNHH Nội Dung Số FPT	9.810.209	9.810.209
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	-	1.000.000
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT	85.691.488	85.691.488
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT AdTrue	5.562.771.544	-
	9.188.953.384	3.088.571.132
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ Phần FPT	2.335.133	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.439.554.508	3.601.404.768
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT	-	91.950.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	8.818.838.132	8.820.838.132
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	-	636.701.648
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận	-	319.301.360
Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Tân Thuận	311.996.386	-
Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT	28.000.000	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	31.315.251	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	5.023.865.335	5.023.865.335
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	21.492.523	21.612.099
	17.677.397.268	18.515.673.342

24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 10.500.000.0000 đồng (năm 2016: 4.900.000.000 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm còn phải thu. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu



Lê Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng



Thang Thị Bích Liên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 02 năm 2018


